TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 136/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Văn Lập.

2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/03/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh H chung sống vào năm 2006, hôn nhân hình thành do quen biết nhau trước, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 02/06/2006. Chị N và anh H chung sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 03/2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm sống và vợ chồng đã ly thân từ 03/2023 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Bùi Như Y, sinh ngày 26/12/2006, Bùi Hồng A, sinh ngày 02/07/2010, Bùi Nguyễn H, sinh ngày 10/07/2015, khi ly hôn tùy theo nguyên vọng của các con muốn sống với cha hoặc mẹ thì chị N đồng ý, nếu sống với chị N thì không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Bùi Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gởi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do mẹ chị bệnh chị về nuôi mẹ, anh H không đồng ý nên vợ chồng cự cãi, anh H có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Nay chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Đối với con chung, tùy theo nguyện vọng của các con, sống với anh thì anh nuôi, sống với chị thì chị nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh H có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Anh H không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N là anh H đã từ bỏ quyền lợi của anh. Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh H đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Bùi Như Y, sinh ngày 26/12/2006, Bùi Hồng A, sinh ngày 02/07/2010, Bùi Nguyễn H, sinh ngày 10/07/2015, cháu Y và cháu A đang sống với anh H, hai cháu có ý kiến được sống với cha nếu cha mẹ ly hôn, cháu H đang sống với mẹ, cháu có ý kiến được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Bùi Như Y và cháu Bùi Hồng A cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Nguyễn H cho

chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn H.

- Về con chung:

Giao con chung là Bùi Như Y, sinh ngày 26/12/2006 và Bùi Hồng A, sinh ngày 02/07/2010 cho anh Bùi Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung là Bùi Nguyễn H, sinh ngày 10/07/2015 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0008937 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị N đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung